

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HS-PT
Ngày 20-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang S

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Trần Thế V và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 99/2022/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Thế V**, sinh năm 2000 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp M, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Phan Thị Ngọc H; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 241/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2018 của Công an huyện GT, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi *sử dụng trái phép chất ma túy*, đã nộp xong ngày 10/12/2018; tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6433/QĐ-XPVPHC ngày 13/6/2019 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 8.500.000 đồng về hành vi *đưa xe trái phép*, chưa nộp phạt; tại Quyết định khởi tố bị can số 41/QĐ-CSHS ngày 29/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre khởi tố về hành vi *Giết người*; bị cáo bị Công an tỉnh Bến Tre bắt tạm giữ ngày 27/3/2022, chuyển tạm giam từ ngày 30/3/2022 cho đến nay về hành vi *Giết người* (trong vụ án khác); có mặt.

2. **Nguyễn D C**, sinh năm 2000 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp H, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Kim M; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. **Phan Nhật D**, sinh năm 2000 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 77A/2, Ấp 2, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Ngọc L và bà Lê Nguyễn Hồng D; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6128/QĐ-XPVPHC ngày 29/5/2020 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 8.650.000 đồng về hành vi *đưa xe trái phép*, nộp phạt ngày 06/02/2023; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn D C và Phan Nhật D*: Bà Nguyễn Thị P là Luật sư - Văn phòng luật sư Nguyễn Thị P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo*: Anh Lê Mạnh C, sinh năm 1997; nơi cư trú: Khu phố M, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Đặng Công S nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 17/02/2022, Trần Thế V cùng với Đặng Công S, Phan Nhật D, Nguyễn D C, Nguyễn Lê Tấn L, Nguyễn Hồ Quốc A, Tr, T (không rõ họ tên, địa chỉ) rủ nhau đến quán vỉa hè gần cầu KV để nhậu. Trong lúc nhậu, V kể cho cả nhóm nghe việc mâu thuẫn giữa V và Lê Mạnh C (sinh năm 1997; đăng ký thường trú: ấp TN2, xã TTM, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh) trên mạng xã hội Facebook và nói một chút nữa sẽ đi kiếm Mạnh C để nói chuyện. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, V kêu L lấy xe mô tô chở V đi đến nhà trọ thuê của Mạnh C ở khu phố MT, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre và những người còn lại cũng tự đi theo V. Trước khi đi D, D C và S mỗi người cầm theo vỏ chai bia bỏ vào túi quần với mục đích đánh Mạnh C (việc D, D C mang theo vỏ chai bia L, Quốc A không biết). Khi còn cách nhà trọ của Lê Mạnh C khoảng 35 mét, cả nhóm dừng xe lại, L, Quốc A, Tr và T ở ngoài chờ, còn V, D, D C và S đi bộ vào nhà trọ của Mạnh C. Đến nơi, V dùng tay đập nhiều cái vào cánh cửa kêu Mạnh C mở cửa ra, khi Mạnh C vừa mở cửa ra, V liền lấy dao bấm mang theo sẵn trong người ra đâm vào cánh tay trái của C, lập tức D, D C cùng xông vào phụ V dùng tay, chân đánh, đá vào người

Mạnh C. S cũng xông vào cùng V dồn Mạnh C vào góc phòng rồi V tiếp tục dùng dao bấm đâm Mạnh C, còn S dùng vỏ chai bia đập vào vùng đầu Mạnh C làm bể vỏ chai bia. Thấy C chảy máu nhiều nên cả 04 đi ra nơi đậu xe lên xe đi về, L, Quốc A, Tr và T không biết đã xảy ra chuyện gì trong nhà trọ của Mạnh C nên cũng bỏ đi về. Trên đường về nhà, V vứt bỏ con dao bấm ven đường. Lê Mạnh C được người thân đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Nguyễn Đình C - tỉnh Bến Tre.

* Vật chứng thu giữ: 01 vỏ chai thủy tinh màu nâu có dán nhãn hiệu Bia Sài Gòn (thu tại hiện trường).

* Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 78-322/TgT ngày 23/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương bàn tay trái khoảng 10cm x 05cm, bờ không đều đứt gân gấp nông sâu ngón 2 vùng II, đứt nhánh gan tay thần kinh giữa, đứt cơ gian cốt, đứt bán phần gân gấp nông ngón 3, lộ xương bàn 2, 3 chảy máu, tụ nhiều máu bầm, có dị vật dơ.

+ Phẫu thuật: khâu gân cơ, thần kinh, gân gấp, bó bột cánh bàn tay trái ôm vai.

+ Hiện: vết thương lành sẹo, kích thước 11cm x 02cm: 02%, cứng khớp đốt bàn ngón 2: 07%, mất cảm giác ngón 3 và mặt ngoài ngón 4: 11% (tổn thương nhánh thần kinh giữa); cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc - nhọn gây ra.

- Vết thương khuỷu tay trái vùng trước ngoài khoảng 12cm x 08cm, bờ sắc gọn cơ cánh tay quay, gân cơ duỗi cổ tay quay, gân cơ duỗi các ngón, đứt tĩnh mạch đầu, chảy máu, tụ máu bầm, có dị vật dơ. Hiện đã lành sẹo, kích thước 14cm x 0,5cm: 02%; cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc - nhọn gây ra.

- Vết thương vai trái khoảng 03cm x 03cm và 03cm x 04cm, bờ sắc gọn, đứt cơ Delta, sâu tới xương, chảy máu, tụ máu bầm, có dị vật dơ. Hiện vết thương lành sẹo, kích thước 3,5cm x 0,3cm: 02% và 08cm x 0,4cm: 02% (hình sao); cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc - nhọn gây ra.

- Vết thương đỉnh trái 01cm sâu 01cm. Hiện đã lành sẹo, kích thước 1,5cm x 0,2cm: 01%; cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc - nhọn gây ra.

- Vết thương vùng lưng cạnh bên xương bả vai trái khoảng 06cm, bờ sắc gọn, sâu 08cm tới cung sau xương sườn 5 bên trái, gãy 1 phần cung sau xương sườn 5 bên trái; cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc - nhọn gây ra.

+ Xquang ngực thẳng (kiểm tra) ngày 17/3/2022: Hình ảnh tim phổi trong giới hạn bình thường; gãy cung sau xương sườn 5 bên trái: 02%.

+ Hiện vết thương lành sẹo, kích thước 7,5cm x 0,2cm: 02%.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 27%.

Quá trình điều tra, Trần Thế V, Đặng Công S, Nguyễn DC và Phan Nhật D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết quả giám định, kết quả thực nghiệm điều tra, đối chất và các chứng cứ khác đã thu thập được. Bị hại Lê Mạnh C yêu cầu V, S, D C và D bồi thường số tiền 150.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý và gia đình bị cáo V đã bồi

thường số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo D và D C mỗi người bồi thường được 5.000.000 đồng, riêng bị cáo S chưa bồi thường. Hiện bị hại Lê Mạnh C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo V, D và D C.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 99/2022/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thế V, Nguyễn D C, Phan Nhật D phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thế V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn D C 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Nhật D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đặng Công S, phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 29/11/2022, bị cáo Trần Thế V kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 28/11/2022, bị cáo Nguyễn D C và bị cáo Phan Nhật D kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 28/11/2022; bị hại Lê Mạnh C kháng cáo yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn D C và bị cáo Phan Nhật D, hoặc giảm hình phạt và cho bị cáo Nguyễn D C và bị cáo Phan Nhật D được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm. Bị hại trình bày lời khai phù hợp nội dung Bản án sơ thẩm. Các bị cáo và bị hại giữ nguyên kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của các bị cáo và bị hại làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trần Thế V, Nguyễn D C và Phan Nhật D phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Thế V 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn DC 02 năm tù

và bị cáo Phan Nhật D 02 năm tù; xét thấy mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo V là tương xứng; đối với bị cáo C và bị cáo D sau khi xét xử sơ thẩm đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại, đủ điều kiện được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho hai bị cáo, do các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thế V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Trần Thế V; áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thế V 02 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn D C, Phan Nhật D và bị hại Lê Mạnh C, sửa Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn D C và Phan Nhật D; áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn D C từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo Phan Nhật D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”; thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Các bị cáo không tranh luận.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn D C và Phan Nhật D tranh luận: đồng ý với Bản cáo trạng của Viện kiểm sát, không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng đối với hai bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt 02 năm tù đối với mỗi bị cáo là cao, hai bị cáo cũng đã thăm hỏi sức khỏe của bị hại, đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại, bị cáo D cũng đã khắc phục nộp phạt xong theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trước đây, hai bị cáo chỉ dùng tay, chân đánh bị hại không gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo, hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hai bị cáo được hưởng án treo.

- Bị hại không tranh luận.

- Bị cáo Trần Thế V không nói lời sau cùng.

- Bị cáo Nguyễn D C và bị cáo Phan Nhật D nói lời sau cùng: xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo và bị hại làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của các bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn không đáng kể nhưng vào khoảng 22 giờ ngày 17/02/2022, tại phòng số 3 nhà cho thuê số 98E, khu phố MT, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo Trần Thế V cùng với các bị cáo Đặng Công S, Nguyễn D C và Phan Nhật D đã có hành vi câu kết với nhau dùng dao bấm, vỏ chai bia, tay, chân để đâm và đánh gây thương tích cho anh Lê Mạnh C với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 27%.

[3] Về tội danh: các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhen giữa bị cáo Trần Thế V với bị hại Lê Mạnh C nhưng các bị cáo đã dùng dao bấm, vỏ chai bia, tay, chân để đâm và đánh bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 27%; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân, hung khí gây án và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trần Thế V, Nguyễn D C và Phan Nhật D phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thế V yêu cầu giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Nguyễn D C, Phan Nhật D yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; bị hại Lê Mạnh C yêu cầu miễn hình phạt, hoặc giảm hình phạt và cho các bị cáo Nguyễn D C, Phan Nhật D được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo C có nhân thân tốt; bị cáo V, bị cáo D đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo V đang bị khởi tố bị can về hành vi giết người. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; “*Người phạm tội tự nguyện*

bồi thường thiệt hại” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *“bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo”* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo Trần Thế V 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn D C 02 năm tù và bị cáo Phan Nhật D 02 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhen mà các bị cáo đã đến nơi ở trọ của bị hại để tìm bị hại vào lúc khoảng 22 giờ đêm trong tình trạng đã có uống rượu và dùng hung khí nguy hiểm như dao bấm, vỏ chai bia và dùng tay, chân để gây thương tích cho bị hại; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, có 02 tình tiết định khung tăng nặng *dùng hung khí nguy hiểm* và *có tính chất côn đồ*, phạm tội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, đã xâm hại nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, trong đó:

- Bị cáo Trần Thế V là người thực hành và có vai trò tích cực nhất, bị cáo khơi dậy những mâu thuẫn nhỏ nhất giữa bị cáo với bị hại trước đó, trực tiếp sử dụng dao bấm mang theo sẵn để đâm bị hại nhiều cái; hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ và nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với các bị cáo khác nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác. Mặc dù bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *sử dụng trái phép chất ma túy* và *đưa xe trái phép*, đang bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố về “Tội giết người” nên xem như bị cáo có nhân thân không tốt. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Vì vậy kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có cơ sở chấp nhận;

- Đối với bị cáo Nguyễn D C và bị cáo Phan Nhật D có vai trò là người thực hành; mặc dù hai bị cáo không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng khi bị cáo V đi tìm bị hại thì hai bị cáo mang theo vỏ chai bia và tự đi theo với mục đích phụ giúp bị cáo V, sau đó hai bị cáo xông vào nơi ở trọ của bị hại rồi dùng tay, chân đánh bị hại; hành vi phạm tội của hai bị cáo thể hiện tính chất côn đồ, xem thường pháp luật và sức khỏe của người khác, tuy nhiên hành vi phạm tội của hai bị cáo ít nguy hiểm hơn so với bị cáo V nên phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo V. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt mỗi bị cáo 02

năm tù. Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo C đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại số tiền 37.500.000 đồng, bị cáo D cũng đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại số tiền 37.500.000 đồng và đã nộp phạt xong số tiền 12.858.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6128 ngày 29/5/2020 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên xét thấy mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với mỗi bị cáo C và D là theo mức khởi điểm của khung hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do hai bị cáo gây ra, vì vậy kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của hai bị cáo C, D và bị hại Lê Mạnh C là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác do hai bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ, không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật, vì vậy kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của hai bị cáo C, D và bị hại Lê Mạnh C cũng không có cơ sở chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo V là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Riêng đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo C, D và bị hại Lê Mạnh C, sửa Bản án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo C và D là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Người bào chữa đề nghị cho các bị cáo C và D được hưởng án treo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thế V, Nguyễn D C, Phan Nhật D và bị hại Lê Mạnh C; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 99/2022/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thế V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn D C 02 (hai) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản

1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Nhật D 02 (hai) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo phải nộp:

- Bị cáo Trần Thế V phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.
- Bị cáo Nguyễn D C phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.
- Bị cáo Phan Nhật D phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND thành phố Bến Tre (09b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Bị cáo (03b);
- Bị hại (01b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã SĐ, TP BT (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Văn Thông